

## BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 15 tháng 12 năm 2024) <sup>(2)</sup>

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Nga. Năm sinh: 15/9/1982

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng, phụ trách chuyên môn khóm mẫu giáo, công tác lễ hội, công tác phổ cập

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Thụy Hương

- Nơi thường trú: Trà Phương - Thụy Hương - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <sup>(3)</sup>: 031182007985 ngày cấp : 21/12/2017, nơi cấp : Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Ngô Duy Ba. Năm sinh: 22/11/1975

- Nghề nghiệp: Công nhân

- Nơi làm việc <sup>(4)</sup>: Xí nghiệp BĐATHHĐBB

- Nơi thường trú: Trà Phương - Thụy Hương - Kiến Thụy - Hải Phòng.

- Số căn cước công dân : 031070004386 ngày cấp 04/10/2017 nơi cấp : Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Ngô Bảo Khánh

- Ngày, tháng, năm sinh: 12/04/2010

- Nơi thường trú: Trà Phương - Thụy Hương - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : Chưa có

### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất <sup>(6)</sup> :

1.1. Đất ở <sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ <sup>(8)</sup>: Trà Phương - Thụy Hương - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 160 m<sup>2</sup>

- Giá trị <sup>(10)</sup>: 200 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng <sup>(11)</sup>: Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất.

- Thông tin khác (nếu có) <sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ (8): Cẩm Xuân- Thị trấn Đồi - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Diện tích(9): 139.5 m<sup>2</sup>

- Giá trị (10): 100 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): 8134/CNQSDĐ mang tên Nguyễn Thị

Thúy Nga

- Thông tin khác (nếu có) (12): Không

1.2. Các loại đất khác <sup>(13)</sup>: Không có



1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Trà Phương - Thụy Hương - Kiến Thụy - Hải Phòng
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ. Cấp công trình: Nhà cấp 3
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 150 m<sup>2</sup>.
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 400 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Trích đo
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất: Không có

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp <sup>(22)</sup> :

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác <sup>(23)</sup> :

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) <sup>(24)</sup> :

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) <sup>(25)</sup> :

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài <sup>(26)</sup> .

9. Tài khoản ở nước ngoài <sup>(27)</sup> :

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(28)</sup>: 361.354.351đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 244.954.351đ

- Tổng thu nhập của chồng: : 116.400.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không có biến động		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	Không có biến động		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	Không có biến động		
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không có biến động		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không có biến động		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm	Không có biến		



<p>tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup></p>	<p>động</p> <p>Không có biến động</p> <p>Không có biến động</p> <p>Tăng</p>	<p>361.354.351đ</p>	<p>- Lương và các khoản phụ cấp theo lương</p> <p>- Thu nhập tăng thêm năm 2023</p>
---	---	---------------------	---

Thùy Hương, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



*Nguyễn Thị Lâm*

Thùy Hương, ngày 15 tháng 12 năm 2024

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)